

Số: **74** /2012/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **18** tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng và hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 737/TTr-STNMT ngày 04/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 72/2006/QĐ-UBND ngày 11/10/2006 quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 73/2006/QĐ-UBND ngày 11/10/2006 quy định khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không bắt buộc phải tiến hành thăm dò và các trường hợp không phải xin phép khai thác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao

thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
 - Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản;
 - Chi cục Khoáng sản miền Nam;
 - TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND Tỉnh (báo cáo);
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Trung tâm Công báo;
 - Lưu VT, TH, CNN.
- Th.cnn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu
xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 74./2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12
năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cho phép trả lại giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn và giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản; hoạt động khai thác khoáng sản trong khu vực dự án, công trình và các trường hợp không phải xin phép khai thác khoáng sản (dưới đây gọi chung là cấp giấy phép hoạt động khoáng sản).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khai thác tài nguyên khoáng sản; tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Căn cứ cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

Điều kiện xét cấp giấy phép hoạt động khoáng sản bao gồm:

1. Hoạt động khoáng sản phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch khoáng sản, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Khai thác khoáng sản phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản.

3. Giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu

vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

4. Tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lựa chọn là đơn vị được phép thăm dò theo quy định tại Điều 36 của Luật Khoáng sản, hoặc đơn vị trúng đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

5. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chỉ được cấp khai thác tận thu khoáng sản còn lại trên khu vực bãi thải của mỏ khoáng sản đã có quyết định đóng cửa mỏ.

6. Trữ lượng khoáng sản, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án đầu tư khai thác đối với trường hợp xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

7. Tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và các điều kiện theo quy định tại Điều 34, Điều 51 của Luật Khoáng sản và Điều 13, Điều 14, Điều 23 của Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Điều 4. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và cho phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo Điều 65, Luật Khoáng sản.

Chương II

THĂM DÒ VÀ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG, THAN BÙN

Điều 5. Hồ sơ lựa chọn đơn vị thăm dò khoáng sản, cấp, gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn:

1. Lựa chọn đơn vị thăm dò khoáng sản

Tổ chức, cá nhân xin được chọn là đơn vị thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp một (01) bộ hồ sơ gồm có:

a) Bản chính văn bản xin đăng ký thăm dò khoáng sản;

b) Bản chính bản đồ khu vực xin thăm dò theo hệ tọa độ VN2000 với khu vực thăm dò được khoanh định bởi các điểm khép góc, tỉ lệ bản đồ không nhỏ hơn tỷ lệ 1/25.000 (mẫu số 16);

c) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài còn phải có bản sao quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam;

2. Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Tổ chức, hộ kinh doanh có nhu cầu xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nộp một (01) bộ hồ sơ gồm có:

a) Bản chính Đơn xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 03);

b) Bản chính Bản đồ khu vực xin thăm dò theo hệ tọa độ VN2000 với khu vực thăm dò được khoanh định bởi các điểm khếp góc, tỉ lệ bản đồ không nhỏ hơn tỷ lệ 1/25.000 (mẫu số 16);

c) Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01);

d) Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận trúng đấu giá đối với trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản;

đ) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài còn phải có bản sao quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam;

e) Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

Diện tích thăm dò đối với hộ gia đình, cá nhân diện tích khu vực xin thăm dò không quá 01 ha; đối với tổ chức diện tích khu vực xin thăm dò không quá 02 km² (200 ha) ở đất liền, không quá 01 km² (100ha) ở vùng có mặt nước. Thời hạn của một giấy phép thăm dò khoáng sản không quá bốn mươi tám (48) tháng và được gia hạn với tổng thời gian gia hạn không quá bốn mươi tám (48) tháng. Thời hạn thăm dò khoáng sản bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản và thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

3. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

Hồ sơ xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn không ít hơn bốn mươi lăm (45) ngày gồm một (01) bộ như sau:

a) Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 04);

b) Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm gia hạn giấy phép thăm dò và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo (Mẫu số 24);

c) Bản chính Bản đồ khu vực xin thăm dò đã loại trừ ít nhất 30% diện tích khu vực thăm dò khoáng sản theo giấy phép đã cấp theo hệ tọa độ VN2000 tỉ lệ bản đồ không nhỏ hơn tỷ lệ 1/25.000 (mẫu số 16);

d) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm gia hạn giấy phép.

Trong trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản được tiếp tục hoạt động đến thời điểm được gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

4. Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản

Để trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nộp một (01) bộ hồ sơ gồm có:

a) Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05);

b) Bản sao có chứng thực Giấy phép thăm dò khoáng sản;

c) Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (mẫu số 24);

d) Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò thì phải có bản chính bản đồ khu vực xin trả lại giấy phép và khu vực xin tiếp tục thăm dò khoáng sản theo hệ tọa độ VN2000, tỉ lệ bản đồ không nhỏ hơn tỷ lệ 1/25.000 (mẫu số 16);

đ) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

5. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản:

Hồ sơ xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nộp cho cơ quan tiếp nhận gồm một (01) bộ như sau:

a) Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06);

b) Bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

c) Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (mẫu số 24);

d) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng giấy phép;

đ) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài còn phải có bản sao quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam.

Điều 6. Hồ sơ xin phê duyệt trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn.

1. Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (mẫu số 14);
2. Bản sao có chứng thực đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản;
3. Bản chính Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công;
4. Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (mẫu 23) kèm theo các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan và bản số hóa.

Chương III

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ THAN BÙN

Điều 7. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác, đóng cửa mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn:

1. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản nộp một (01) bộ cho cơ quan tiếp nhận như sau:

- a) Bản chính Đơn xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07);
- b) Bản chính Bản đồ khu vực khai thác theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ không nhỏ hơn 1/25.000 (Mẫu số 17);
- c) Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kèm theo Báo cáo kết quả thăm dò;
- d) Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận trúng đấu giá đối với trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- đ) Bản sao có chứng thực Dự án đầu tư khai thác khoáng sản và Bản sao giấy chứng nhận đầu tư;
- e) Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án có công suất lớn hơn 100.000m³/năm hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án có công suất nhỏ hơn 100.000m³/năm;
- g) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- h) Bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

Thời hạn của một giấy phép khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở trữ lượng mỏ khoáng sản đã được phê duyệt và Dự án đầu tư đã được thẩm định

nhưng không quá ba mươi (30) năm và được gia hạn với tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi (20) năm. Hộ kinh doanh được khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường Quy mô công suất khai thác không quá 3.000 m³ sản phẩm là khoáng sản nguyên khai/năm

2. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản:

Hồ sơ xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn không ít hơn bốn mươi lăm (45) ngày gồm một (01) bộ như sau:

- a) Bản chính Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08);
- b) Bản chính Bản đồ hiện trạng mỏ tại thời điểm xin gia hạn theo hệ tọa độ VN 2000 tỷ lệ từ 1/1.000 đến 1/2.000 do đơn vị có chức năng đo vẽ lập (Mẫu số 18).
- c) Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác kể từ khi được cấp phép, nêu rõ trữ lượng khoáng sản còn lại, diện tích xin gia hạn (Mẫu số 25);
- d) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm gia hạn khai thác;

Trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản được tiếp tục hoạt động đến thời điểm được gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

3. Trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác:

Hồ sơ xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác phải nộp về cơ quan tiếp nhận, gồm một (01) bộ như sau:

- a) Bản chính Đơn xin trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đơn xin trả lại một phần diện tích giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 09);
- b) Bản chính Bản đồ hiện trạng mỏ tại thời điểm xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ từ 1/1.000 đến 1/2.000 (Mẫu số 18);
- c) Bản sao có chứng thực Giấy phép khai thác khoáng sản;
- d) Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động kể từ khi được cấp giấy phép khai thác (Mẫu số 25);
- đ) Bản chính Đề án đóng cửa trong trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 02);
- e) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác.

4. Chuyển nhượng quyền khai thác

Hồ sơ xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nộp cho cơ quan tiếp nhận khi giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là chín mươi (90) ngày, gồm một (01) bộ như sau:

- a) Bản chính Đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 10);
- b) Bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng ;
- c) Bản chính Bản đồ hiện trạng mỏ tại thời điểm xin chuyển nhượng theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ từ 1/1.000 đến 1/2.000 (Mẫu số 18);
- d) Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm xin chuyển nhượng (Mẫu số 25);
- đ) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bản sao giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.
- e) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền khai thác.

5. Đóng cửa mỏ kết thúc khai thác:

Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản phải nộp về cơ quan tiếp nhận không quá bốn mươi lăm (45) ngày trước ngày giấy phép hết hạn, gồm một (01) bộ như sau:

- a) Bản chính Đơn xin đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 15);
- b) Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 02);
- c) Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản, theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ từ 1/1.000 đến 1/2.000 (Mẫu số 18);
- d) Bản sao có chứng thực Giấy phép khai thác khoáng sản.
- đ) Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động kể từ khi được cấp giấy phép khai thác (Mẫu số 25);
- e) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đóng cửa mỏ.

Điều 8. Hồ sơ cấp, gia hạn, cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ phải nộp một (01) bộ như sau:

- a) Bản chính Đơn xin cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 11);
- b) Bản chính Bản đồ khu vực khai thác theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ không nhỏ hơn 1/25.000 (Mẫu số 19);

c) Bản chính Dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt và Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư;

d) Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án có công suất lớn hơn $100.000\text{m}^3/\text{năm}$ hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án có công suất nhỏ hơn $100.000\text{m}^3/\text{năm}$;

đ) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời hạn của một giấy phép khai thác tận thu khoáng sản không quá năm (05) năm, kể cả thời gian gia hạn giấy phép. Hộ kinh doanh được khai thác tận thu khoáng sản Quy mô công suất khai thác không quá 3.000 m^3 sản phẩm là khoáng sản nguyên khai/năm.

2. Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản phải nộp về cơ quan tiếp nhận không quá mười lăm (15) ngày trước ngày giấy phép hết hạn, gồm một (01) bộ như sau:

a) Bản chính Đơn xin gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 12);

b) Bản chính Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản kể từ khi được cấp giấy phép khai thác đến thời điểm xin gia hạn (Mẫu số 25).

c) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm xin gia hạn.

3. Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

a) Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 13);

b) Bản chính Bản sao có chứng thực Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

c) Bản chính Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản kể từ khi được cấp giấy phép khai thác (Mẫu số 25);

d) Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm xin gia hạn;

đ) Bản chính Đề án đóng cửa mỏ (Mẫu số 02).

Điều 9. Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì UBND tỉnh quyết định việc thăm dò, khai thác trước khi dự án được phê duyệt hoặc cấp giấy phép đầu tư;

Hồ sơ thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo Khoản 2 Điều 5 của Quy định này; Hồ

sơ thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo Khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

2. Đối với khu vực chưa được điều tra, đánh giá về khoáng sản mà trong quá trình xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì UBND tỉnh quyết định việc khai thác hoặc không khai thác trong phạm vi xây dựng công trình; trường hợp quyết định khai thác thì không bắt buộc phải tiến hành thăm dò khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình nộp một (01) bộ cho cơ quan tiếp nhận như sau:

a) Bản chính Đơn xin khai thác khoáng sản (Mẫu số 07);

b) Bản sao có chứng thực Dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt và thiết kế kỹ thuật thi công dự án công trình kèm theo bản vẽ thiết kế thi công;

c) Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án xây dựng công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Điều 10. Trường hợp khai thác khoáng sản không phải xin giấy phép khai thác

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.

Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Khai thác trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quyết định này phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Chương IV

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN VIỆC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 11. Cơ quan tiếp nhận và thẩm định hồ sơ hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trình Ủy ban

nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Các sở ban ngành và địa phương liên quan phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình giải quyết hồ sơ hoạt động khoáng sản. Trong trường hợp được hỏi ý kiến về dự án, các sở ngành và địa phương phải căn cứ vào quy hoạch ngành, địa phương mình để có văn bản trả lời về việc thực hiện dự án trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc tham gia khảo sát địa điểm, sau hai mươi (20) ngày các sở ngành và địa phương được hỏi xin ý kiến dự án mà không có ý kiến phản hồi thì được coi như đã thông nhất mục tiêu dự án.

3. Trong trường hợp văn bản trả lời của các cơ quan hữu quan có ý kiến khác nhau, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức trao đổi để thống nhất và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Trình tự thực hiện

1. Đối với hồ sơ lựa chọn đơn vị thăm dò khoáng sản: Trong thời hạn ba mươi lăm (35) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc kiểm tra, hồ sơ, thông báo rộng rãi trên trang web, lựa chọn đơn vị được phép thăm dò trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc lựa chọn đơn vị được phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản.

2. Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức xin thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc kiểm tra, hồ sơ, xin ý kiến góp ý của cơ quan có liên quan hoặc chuyên gia chuyên ngành, tổ chức Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò (nếu cần thiết tổ chức hội đồng) trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép (thời hạn trên không bao gồm thời gian bổ sung, chỉnh sửa lại hồ sơ).

Đối với hồ sơ gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn: Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân xin cấp gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

3. Đối với hồ sơ xin phê duyệt trữ lượng khoáng sản: Trong thời hạn tối đa một trăm tám mươi (180) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức xin phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc kiểm tra, hồ sơ, xin ý kiến góp ý của cơ quan có liên quan hoặc chuyên gia chuyên ngành, tổ chức Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thăm dò (nếu cần thiết tổ chức hội đồng) trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết

định phê duyệt trữ lượng khoáng sản (thời hạn trên không bao gồm thời gian bổ sung, chỉnh sửa lại hồ sơ).

4. Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép.

Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác, đóng cửa mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn: Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ.

5. Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép.

Đối với hồ sơ xin gia hạn, cho phép trả lại, chuyển nhượng giấy phép, cho phép tiếp tục thực hiện quyền khai thác tận thu khoáng sản: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gia hạn, cho phép trả lại, chuyển nhượng giấy phép, cho phép tiếp tục thực hiện quyền khai thác tận thu khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép gia hạn, cho phép trả lại, chuyển nhượng giấy phép, cho phép tiếp tục thực hiện quyền khai thác tận thu khoáng sản.

6. Đối với hồ sơ xin khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân xin khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.

7. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và chuyển lại hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các hồ sơ sau: Cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; Hồ sơ gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích hoặc trả lại

giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản và hồ sơ cấp giấy phép khai thác tận thu; Hồ sơ cấp gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản,.

Trường hợp không cấp giấy phép, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép về lý do giấy phép không được cấp.

Trong thời hạn năm (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cho phép đóng cửa mỏ và chuyển lại hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giao giấy phép cho tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và thu lệ phí cấp phép theo quy định.

Chương V

ĐĂNG KÝ, THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 13. Đăng ký, thông báo hoạt động khoáng sản

Việc đăng ký, thông báo hoạt động khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Giấy phép hoạt động khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phải đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường và gửi đến Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản, Chi cục Khoáng sản miền Nam, các sở ngành và địa phương liên quan một (01) bộ kèm theo bản đồ khu vực hoạt động khoáng sản để theo dõi và phối hợp quản lý.

2. Tất cả các hoạt động khoáng sản theo giấy phép hoạt động khoáng sản đã được cấp và các trường hợp khai thác khoáng sản quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Quy định này chỉ được phép tiến hành sau khi các tổ chức, cá nhân có văn bản thông báo kế hoạch khai thác đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo như quy định của Luật Khoáng sản.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Khen thưởng và kỷ luật

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định trên được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường thiệt hại theo Quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, tổng hợp và lập báo cáo hàng quý, hàng năm về tình hình cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trong phạm vi quản lý của tỉnh và gửi báo cáo hàng quý về Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND các địa phương triển khai thực hiện quy định này, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



★ Trần Văn Vĩnh

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....

.....

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...

A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Sơ bộ về công nghệ khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh tế.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.
- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG II

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

- Đặc điểm địa chất vùng bao quanh khu vực thăm dò: trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, macma, khoáng sản có trong vùng.
- Đặc điểm khoáng sản khu vực thăm dò, bao gồm:
 - + Các biểu hiện, dấu hiệu, tiền đề có liên quan đến khoáng sản.
 - + Quy mô, chất lượng và đặc điểm phân bố thân khoáng sản trong khu vực thăm dò.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.

- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công làm cơ sở dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản.

- Đánh giá hiệu quả các phương pháp địa chất đã triển khai trong giai đoạn trước: những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).

- Phương pháp địa chất.

- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích các loại mẫu, dự kiến nơi gửi phân tích và cách thức kiểm tra chất lượng phân tích mẫu.

- Công tác địa chất thuỷ văn - địa chất công trình.

- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

Tất cả các dạng công tác nêu trên nhất thiết phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện cụ thể cho từng hạng mục theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình dự kiến thi công thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG IV

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

CHƯƠNG V

DỰ KIẾN PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan vẽ thân quặng và dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích khu vực thăm dò.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy trình, quy phạm, các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành. Thời gian thi công chỉ tính kể từ ngày cấp giấy phép thăm dò.

CHƯƠNG VII

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.

- Đặc điểm khoáng sản (kích thước, thể nằm và chất lượng trung bình quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng, bản đồ khu vực thăm dò và bản đồ thân khoáng sản (nếu có).
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...
ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản)

Địa danh nơi lập đề án, Năm

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...
ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số ngày.....tháng.....năm....., của.....;
- Thiết kế khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20... của.....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số ngày.....tháng.....năm..... của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1 Mục đích

Nêu mục đích của công tác đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác), làm rõ:

- Đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...đối với khai thác lộ thiên; hay phá hóa toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v...).
- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản....đã duyệt và trả lại diện tích đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai hay sử dụng cho mục đích khác ? v.v... Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đạt được.

2.2 Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ cụ thể mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của Dự án đầu tư.

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa Dự án đầu tư và thiết kế khai thác mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo Dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ làm việc;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với Dự án đầu tư, Thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Nêu hiện trạng về các công trình phụ trợ khai thác mỏ (văn phòng, kho, sân bãi chứa đất đá, khoáng sản; đường xá, cầu cống v.v...); các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường...trong quá trình khai thác và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ: số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ (kể cả các bãi thải);

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu

vực đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

Kèm theo các tài liệu, bản vẽ chứng minh các số liệu nêu trên gồm:

- Các bản vẽ, mặt cắt thể hiện cấu trúc địa chất, đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực tại thời điểm đóng cửa mỏ;

- Toàn bộ bản vẽ, mặt cắt kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác mỏ hàng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác đến thời điểm đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ v.v...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép?

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác (tính đến thời điểm đóng cửa mỏ), tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi; công tác đóng cửa mỏ phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan;

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an

toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có);

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kê cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo;

- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể;

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

- Cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường và khu vực khai thác mỏ sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo thiết kế khai thác
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v...
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Dự án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác;
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);
- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc
Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép
đầu tư).....(nếu có).Đề nghị được cấp phép thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) tại
xã....., huyện..... tỉnhDiện tích là.....(ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc
..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo.

Thời gian thăm dò (tháng, năm), kể từ ngày ký Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số, ngày..... tháng...năm... với (tên tổ
chức lập đề án thăm dò)..... (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều
kiện để tổ chức thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng nămcủa ... Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh ...)

Đề nghị được gia hạn Giấy phép thăm dò, thời gian gia hạn tháng.

Diện tích trả lại là (ha, km²).

Diện tích tiếp tục thăm dò (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo.

Lý do xin gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ
KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản (một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản của Giấy phép thăm dò khoáng sản) số....., ngày... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cho phép thăm dò (khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã....huyện...tỉnh...

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò cần nêu rõ các nội dung sau:

- Diện tích đề nghị trả lại là:..... (ha, km²)

- Diện tích khu vực tiếp tục thăm dò là:..... (ha, km²).

Diện tích đề nghị trả lại và diện tích đề nghị tiếp tục thăm dò có tọa độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ khu vực kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò số....., ngày... tháng... năm..... của ... Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cho phép hoạt động thăm dò (khoáng sản)..... tại xã....., huyện....., tỉnh.....

Thời hạn thăm dò..... tháng (năm),

Tổ chức nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...

Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có)

Hợp đồng chuyển nhượng số..... ngày... tháng... năm..... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc
Đăng ký kinh doanh số... tháng... năm...Giấy chứng nhận đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp
giấy phép đầu tư)..... cho dự án ... của Công ty ...Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã..... do.....
thành lập năm..... đã được..... phê duyệt theo Quyết định số..... ngày...
tháng... năm... của.....Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại khu vực ...
thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các
điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...) /năm

Mức sâu khai thác: ...

Thời hạn khai thác:..... năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời
gian xây dựng cơ bản mở là:....năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

*Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng
cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:*

Số hiệu, C.sâu	Tọa độ	Lưu lượng	Hạ thấp	Mức nước	Ghi chú
GK	GK(m)	X Y (m ³ /ngày)	Smax (m)	tĩnh (m)	

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của
pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày... tháng... năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh..) cho phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại: xã..... huyện....., tỉnh.....

Thời gian đề nghị được tiếp tục khai thác:..... năm.

Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha. Được giới hạn bởi các điểm góc..... có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng còn lại:..... (tấn, m³,...).

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Lý do xin gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản (một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép số..... ngày.... tháng.... năm..... do Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cấp tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh kể từ ngày.... tháng.... năm.....

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác cần bổ sung các thông tin sau:

- Diện tích đề nghị trả lại là:..... (ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác là:..... (ha, km²).

Khu vực đề nghị trả lại và khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khập góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác số... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh ...) cho phép khai thác (tên khoáng sản) tại khu vực, thuộc xã..... huyện....., tỉnh.....

Thời hạn được khai thác.... năm,

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy chứng nhận đầu tư số.... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp cho dự án ... của Công ty ...

Kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng số... ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...

Giấy chứng nhận đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cho dự án ... của Công ty ...

Đề nghị được cấp phép khai thác tận thu (tên khoáng sản)..... tại mỏ..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Thời hạn khai thác..... năm, kể từ ngày ký giấy phép

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày.... tháng... năm.... của UBND tỉnh... cho phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại xã..... huyện.....,

Thời gian đề nghị được tiếp tục khai thác..... năm.

Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác ha. Được giới hạn bởi các điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Lý do xin gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU
KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số.....
 ngày... tháng..... năm..... do UBND tỉnh ... cấp tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã
 huyện tỉnh kể từ ngày... tháng..... năm.....

Lý do đề nghị trả lại:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dòtheo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng.... năm..... của (Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tên báo cáo).....

(Tên tổ chức, cá nhân).....xin chịu trách nhiệm trước (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).....về tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... kính đề nghị (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).....thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Thực hiện Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; biên bản kiểm tra thực địa ngày.....tháng.....nămcủa

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh

(Đối với trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa là:..... (ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là:..... (ha, km²).

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục được hoạt động khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

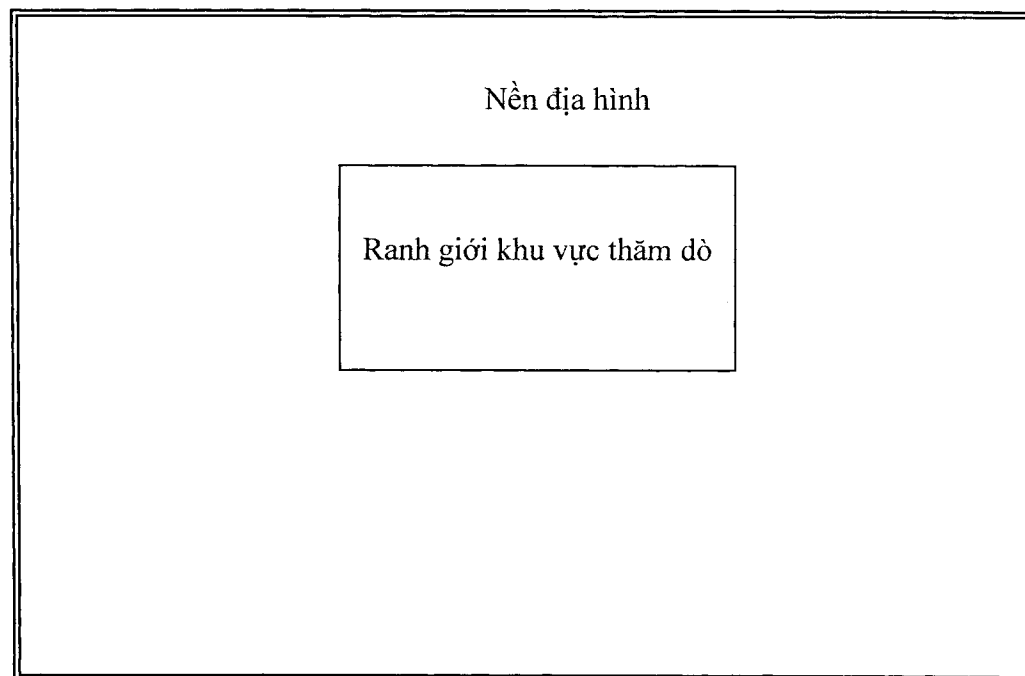
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

**BẢN ĐỒ KHU VỰC
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo thăm dò số...../.....-UBND ngày....
tháng.....năm....của UBND tỉnh Đồng Nai)

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trục...,múi chiếu...,
số hiệu...”

Tỷ lệ:.....

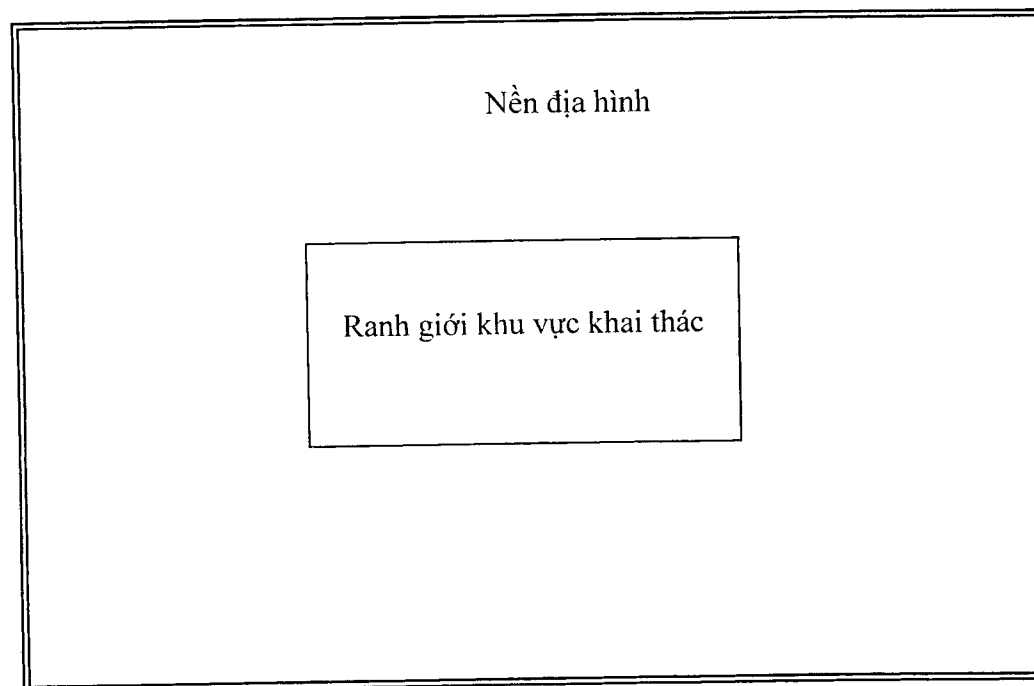
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

**BẢN ĐỒ KHU VỰC
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo khai thác số...../.....-UBND ngày....
tháng.....năm....của UBND tỉnh Đồng Nai)

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trục...,múi chiếu...,
số hiệu...”

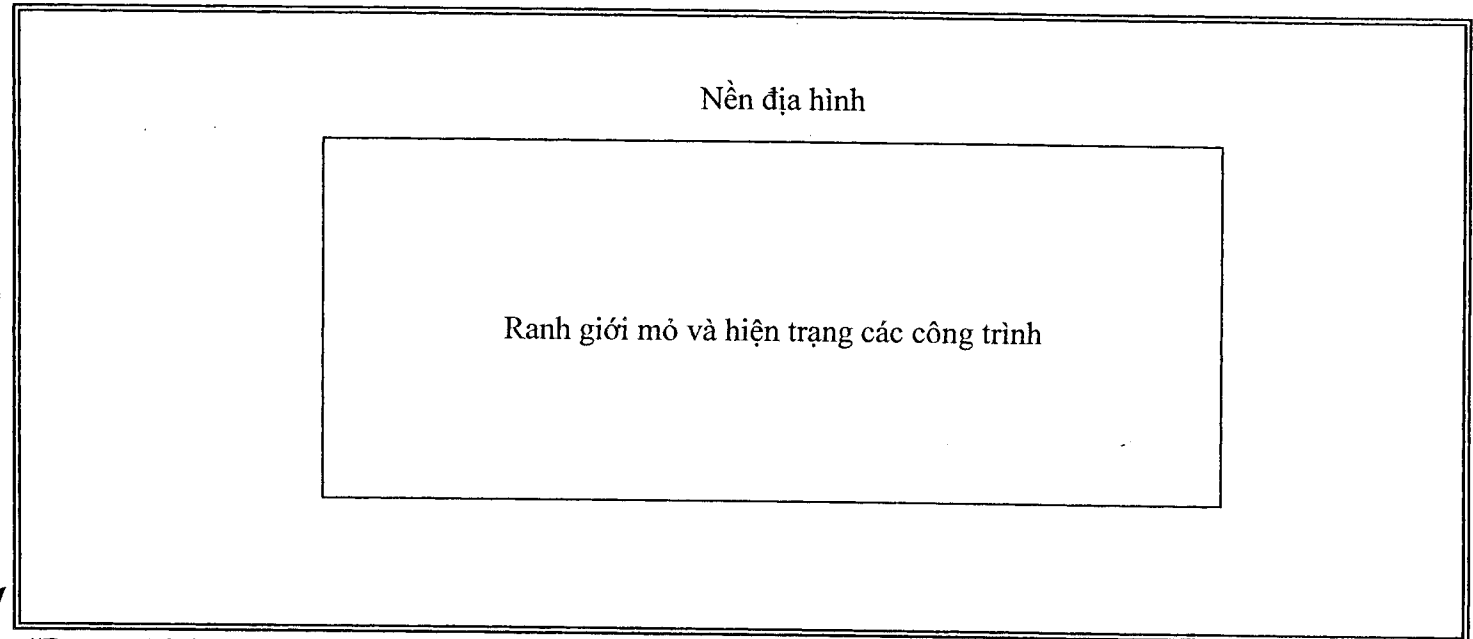
Tỷ lệ:.....

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y (m)
1		
2		
...		



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trục...,múi chiều...,
số hiệu...”

Tỷ lệ:.....

Ghi chú: bản đồ hiện trạng tối thiểu phải thể hiện các thông tin cơ bản sau:

- Đường đồng mức và cao độ của đường đồng mức;
- Vị trí, cao độ hiện tại các khu vực khai thác, sườn tầng, bờ moong, đường lò ...;
- Vị trí thân quặng ban đầu, vết lộ khoáng sản (nếu có);
- Ranh giới khu vực được cấp phép;

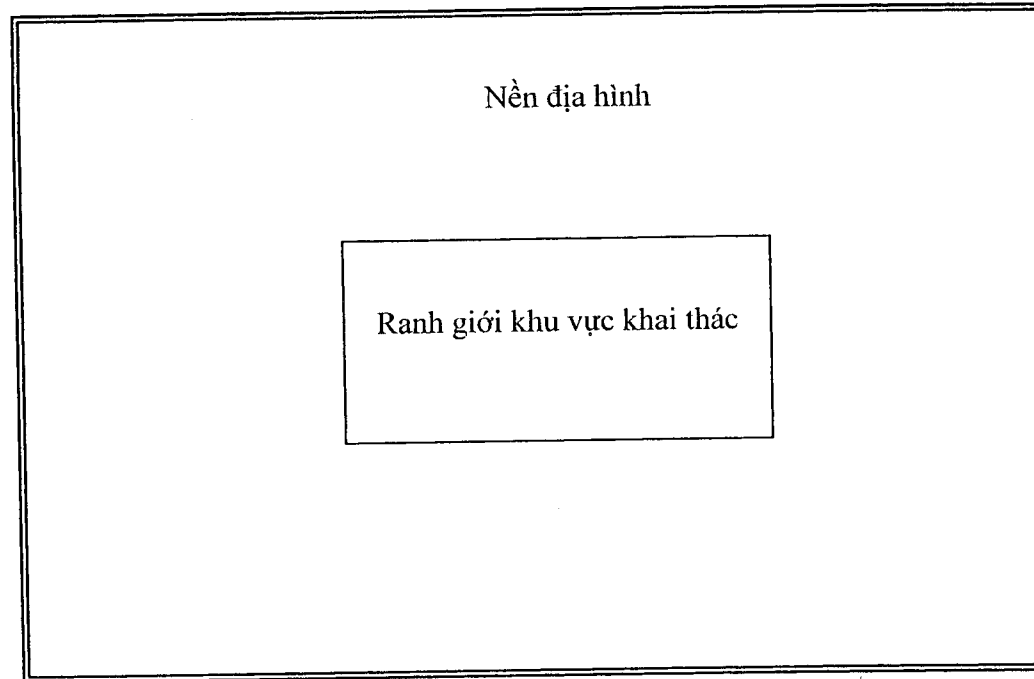
Tên tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m□)
1		
2		
...		

**BẢN ĐỒ KHU VỰC
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo Quyết định khai thác tận thu số...../QĐ-UBND ngày....
tháng.....năm....của UBND tỉnh Đồng Nai)

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trục...,múi chiếu...,
số hiệu...”

Tỷ lệ:.....

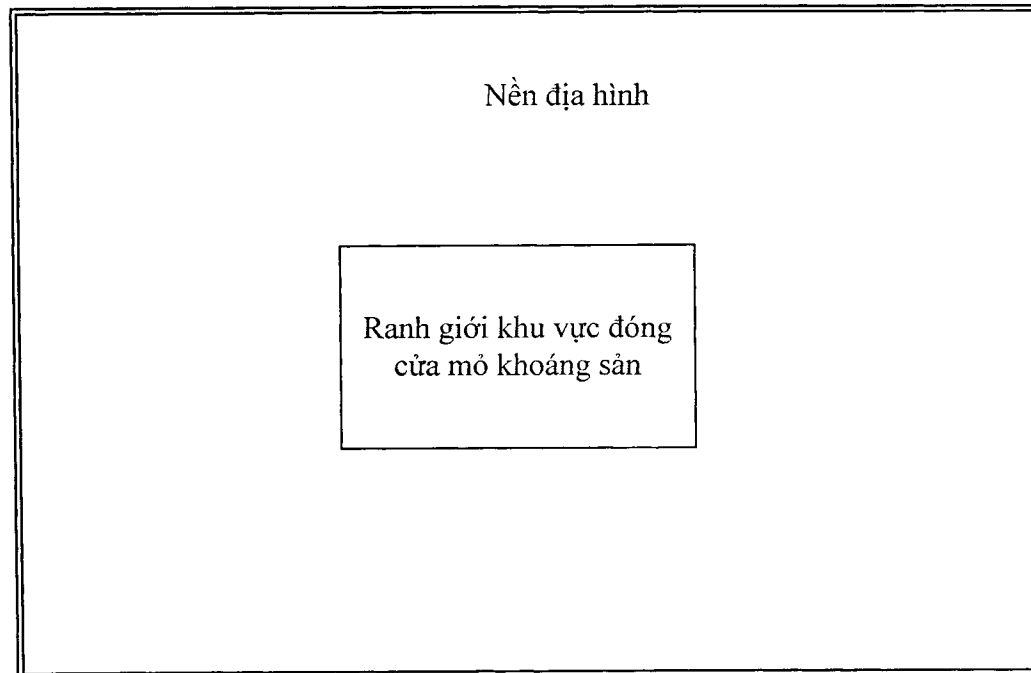
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

**BẢN ĐỒ KHU VỰC
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.... tháng.....năm....của UBND tỉnh Đồng Nai.

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trực...,múi chiều...,
số hiệu...”

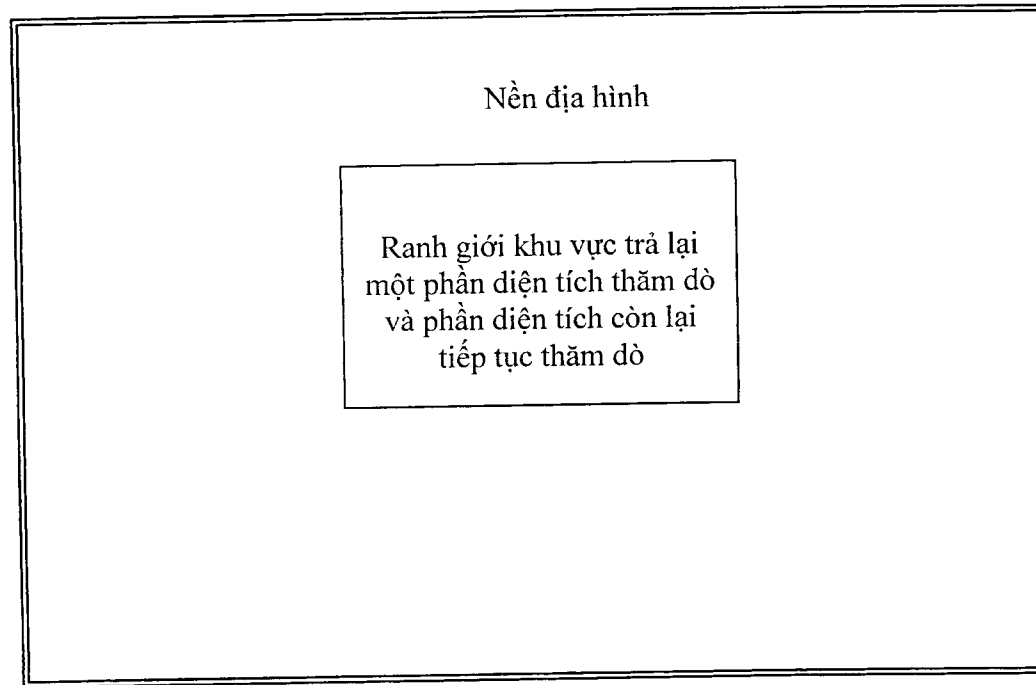
Tỷ lệ:.....

BẢN ĐỒ

RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.... tháng.....năm....của UBND tỉnh Đồng Nai.

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		



Khung tọa độ



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...”

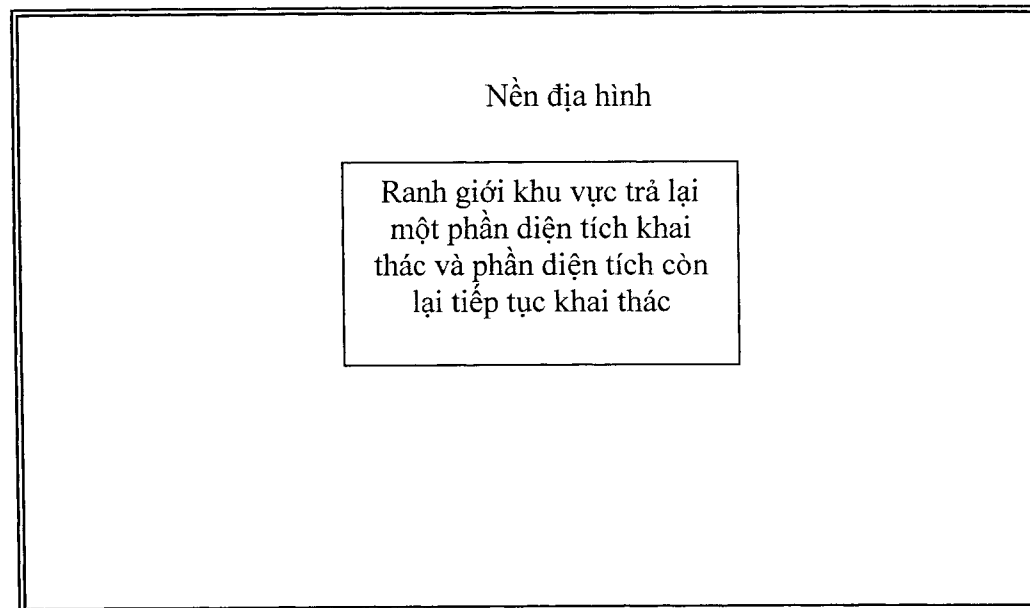
Tỷ lệ:.....

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

BẢN ĐỒ
RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC KHAI THÁC
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.... tháng.....năm.....của UBND tỉnh Đồng Nai.

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ
 bản đồ địa hình tỷ lệ...,
 kinh tuyến trục...,múi chiếu...,
 số hiệu...”

Tỷ lệ:.....

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Tác giả:.....

Chủ biên:.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)....., tại xã....., huyện....., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng.....năm.....

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý của tổ chức, cá nhân thành lập báo cáo;
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện;
- Khối lượng công trình chính đã hoàn thành, trữ lượng đạt được và đánh giá kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của mỏ, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hoá. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có) .

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí mỏ trong cấu trúc địa chất chung của vùng;
- Cấu tạo địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm cấu tạo các thân khoáng: Số lượng, vị trí phân bố các thân khoáng. Mối liên kết của các thân khoáng theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, quy luật phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hoá, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích

thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sũng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bắt vỉa... Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác trắc địa:

a) *Nhiệm vụ, khối lượng, thiết bị đo vẽ*

- Mục đích, nhiệm vụ công tác trắc địa;
- Khối lượng công tác thực hiện so với đề án;

b) *Công tác kỹ thuật*

- Tài liệu đã có và mức độ sử dụng: Lưới khống chế, cấp hạng; bản đồ địa hình, tỷ lệ; thống kê tọa độ công trình...

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới tam giác, giải tích, đa giác, hành trình thủy chuẩn các cấp: Đồ hình, số điểm, số lưới thành lập; thiết bị đo, độ chính xác; phương pháp đo, số vòng đo; ghi chép; phương pháp tính toán, bình sai, các số hiệu chỉnh, số liệu sau bình sai, kết quả đo tọa độ, độ cao sau bình sai...

- Thành lập bản đồ địa hình: Lưới đo vẽ địa hình; đường chuyền kinh vĩ, đồ hình; tổng số lưới, số điểm mới; thiết bị đo, độ chính xác; bảng tính toán bình sai thể hiện số liệu đo, số hiệu chỉnh, tọa độ độ cao các điểm. Diện tích đo vẽ tỷ lệ bản đồ, khoảng chênh đường đồng mức; phương pháp đo điểm chi tiết địa hình địa vật, ghi chép nhật ký đo, khoảng cách trạm đo đến điểm đo, mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 ; phương pháp triển điểm chi tiết địa hình địa vật, vẽ đường đẳng cao; công tác kiểm tra đối chiếu thực địa, phương pháp và kết quả kiểm tra so sánh.

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa. cấp hạng các điểm trạm đo, số lượng công trình; phương pháp xác định tọa độ, độ cao các công trình thăm dò, thiết bị đo, phương pháp đo, ghi chép, cấp hạng các điểm trạm đo và khối lượng; phương pháp xác định tọa độ độ cao các tuyến thăm dò, điểm trên tuyến... So sánh độ cao công trình

địa chất đã đo với độ cao trên bản đồ địa hình, lập bảng thống kê.

c) Công tác kiểm tra nghiệm thu:

- Công tác kiểm tra nghiệm thu của đơn vị thực hiện công tác trắc địa và của tổ chức các nhân được cấp phép thăm dò bao gồm cả công tác thực địa và văn phòng.

- Kết luận về mức độ chính xác và khả năng sử dụng tài liệu trắc địa phục vụ công tác tính trữ lượng,

d) Các phụ lục kèm theo:

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp tọa độ, độ cao các điểm trắc địa khởi tính, bản đồ gốc do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ Bảng thông kê tọa độ, độ cao các điểm tam giác, giải tích, đa giác, đường chuyền các loại mới thành lập;

+ Bảng tính toán bình sai lưới tam giác, giải tích, đường chuyền, hành trình tùy chuẩn các cấp, bảng thống kê tọa độ, độ cao sau bình sai;

+ Bảng thống kê tọa độ, độ cao công trình thăm dò địa chất;

+ bản đồ địa hình;

+ Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; sơ đồ lưới đo vẽ

+ Mặt cắt địa hình (nếu có) ;

+ các nhật ký đo đạc thực địa;

+ Biên bản nghiệm thu.

2. Công tác thăm dò địa chất:

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng....

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố công trình thăm dò;

- Tóm tắt các phương pháp thăm dò đã tiến hành, kết quả đạt được, những tồn tại của từng phương pháp.

+ Công tác địa vật lý: Nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành và kết quả đạt được, đánh giá hiệu quả từng phương pháp. Đối với than nêu rõ cơ sở lựa chọn phương pháp đo, ghi, và biểu diễn biểu đồ karota; phương pháp phân tích tài liệu và xác định chiều dày, vách, trụ các vỉa than theo karota; so sánh kết quả đo karota và khoan; mức độ sử dụng kết quả karota để tính trữ lượng.

+ Công tác đo vẽ địa chất: Mục đích, nhiệm vụ, phương pháp và khối lượng công tác đo vẽ địa chất và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

+ Công trình khai đào: Mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình khai đào; khối lượng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

+ Công tác khoan: Mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan theo chiều

dài, trọng lượng hoặc thể tích. Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

+ Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu: Mục đích, nhiệm vụ và luận giải về các phương pháp lấy mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc tính trữ lượng khoáng sản.

Đánh giá chất lượng thi công, độ tin cậy của các tài liệu thu được từ các công trình thăm dò và phân tích mẫu.

3. Các vấn đề về bảo vệ môi trường

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bẩn bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.
- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hoá (oxy hoá), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ oxy hoá
- Thành phần hoá: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học, độ dẻo của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy, sức bền chịu nhiệt, thành phần lưu huỳnh đối với than giàu lưu huỳnh... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, chịu nhiệt, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần nêu độ bền cơ học, độ ướt rã của đá kẹp; mức

độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong lớp phủ, đá vây quanh cũng như các nguyên tố S, Ge, Ga.. Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; điều kiện kỹ thuật và yêu cầu chất lượng đối với tro và chất thải của xưởng tuyển than và đập thạch cháy để sản xuất gạch và xi măng...

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp v.v.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế – kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Nội dung, khối lượng, phương pháp các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành. Lập luận về tính hợp lý và kết quả đã đạt được của công tác nghiên cứu. Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra, độ tin cậy của các thông số nghiên cứu thu được phục vụ thiết kế khai thác mỏ.

1. Đặc điểm địa chất thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...

- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thủy văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học,

khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hoá, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thuỷ lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thuỷ lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hoá, của đới phá huỷ kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hoá học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

2. Đặc điểm địa chất công trình

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hoá. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá huỷ, đới phong hoá. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, nương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh

hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

3. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất – khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hoá, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hoá, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hoá trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6

CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;

- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;

- Nguyên tắc, cách thức khoanh nội thân khoáng tính trữ lượng;

- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.

- Xác định các thông số tính trữ lượng.

- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp..

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: toạ độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Kết quả xác lập mô hình hoá thân khoáng, các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên

quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng). Quá trình và kết quả tính toán phải trình bày sao cho dễ theo dõi và thẩm định tại Hội đồng.

Đối với than, luận giải thêm về ranh giới tính, cơ sở lập luận về ranh giới tính; sự phân chi khu thăm dò cho khai thác lộ thiên, hầm lò; ranh giới kỹ thuật an toàn cơ sở tính toán xác định. Đối với mỏ đang khai thác phải thông kê trữ lượng than khấu trừ.

CHƯƠNG 7

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng 121 và 122.
- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;
- Kết quả tính trữ lượng;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;

- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vía quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vía, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu));

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

2. Phụ lục bảng tính:

a) Các phụ lục thống kê:

Bảng thống kê các công trình khai đào và lỗ khoan đã thi công; công trình

khai đào và khoan không sử dụng để tính trữ lượng, nguyên nhân; bảng thống kê toạ độ và độ cao các lỗ khoan và công trình khai đào, các điểm cắt của các công trình thăm dò tại vách và trụ thân khoáng. Bảng thống kê chất lượng khoan và khai đào (tỷ lệ mẫu lõi khoan, kết quả kiểm tra khoan bằng công trình khai đào, số liệu đo độ cong lỗ khoan). Trong trường hợp sử dụng phương pháp thăm dò và lấy mẫu địa vật lý cũng cần lập các bảng thống kê kết quả đo. Bảng thống kê kết quả phân tích các loại (hoá, khoáng vật, cơ lý, các phân tích khác). Bảng thống kê và tính toán ĐCTV, ĐCCT, khí tượng thuỷ văn.

b) Các phụ lục bảng tính:

Thứ tự các bảng phải phù hợp với trình tự tính toán các thông số trữ lượng và phải gồm đầy đủ số liệu gốc và số liệu trung gian. Tùy theo phương pháp tính trữ lượng đã được áp dụng mà thành lập các bảng tính thích hợp; thông thường cần có các bảng tính sau:

- Bảng tính toán sai số phân tích mẫu các loại;
- Bảng tính thông số trung bình chiều dày, hàm lượng và các thông số khác theo công trình, theo khối và theo thân khoáng.
- Bảng thống kê kết quả đo diện tích.
- Bảng tính trữ lượng theo khối, thân quặng, theo loại quặng tự nhiên hoặc công nghiệp (khoáng sản chính, thành phần có ích đi kèm).
- Bảng tổng hợp trữ lượng.

3. Các bản vẽ kèm theo báo cáo

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện rõ cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 – 1.200.000 (có thể đưa vào tập thuyết minh);
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 – 1:50.000 kèm theo cột địa tầng và mặt cắt qua mỏ;
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) mỏ tỷ lệ 1:1000 – 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 – 1:10.000) kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;
- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);

- Các bình đồ đồng đẳng vách trụ vĩa (thân khoáng). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vĩa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;

- Các bình đồ, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;

- Các thiết độ lỗ khoan và công trình thăm dò tỷ lệ 1:50 – 1:1000 (có thể đóng thành tập)

- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực tỷ lệ 1:10.000 – 1:50.000 (khi trong báo cáo có phần ĐCTV khu vực); bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ 1:1000 – 1:10.000. Bản đồ địa chất thủy văn, ĐCCT mỏ tỷ lệ 1:1000 – 10.000.

- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.

- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

- Bản đồ địa hình khu mỏ tỷ lệ 1:1000 – 10.000. Các sơ đồ phân chia các tờ bản đồ được đo vẽ theo những tỷ lệ khác nhau 1:5000 – 1:10.000. Sơ đồ khống chế mặt phẳng, khống chế độ cao tỷ lệ 1:5000 – 1:10.000. Sơ đồ đường sườn kinh vĩ. Sơ đồ vị trí các mốc khống chế mặt phẳng và độ cao từ giải tích 3 và nivô kỹ thuật trở lên. Sơ đồ mốc và tiêu ngắm; mô tả kích thước và hình dạng của chúng.

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

Địa danh, ngày... tháng... năm 20....

Kính gửi :

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN****I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò :
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ :
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....;
 - Năm sinh.....;
 - Trình độ chuyên môn.....

II. Khối lượng công tác thăm dò và chi phí đã thực hiện tính đến ngày... tháng... năm...**1. Giấy phép thăm dò khoáng sản số:..... ngày... tháng... năm.....**

- 1.1. Cơ quan cấp phép....;
- 1.2. Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
- 1.3. Diện tích khu vực thăm dò:.....(m², ha, km²);
- 1.4. Loại khoáng sản được phép thăm dò :
- 1.5. Vị trí khu vực thăm dò: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
- 1.6. Tên đề án thăm dò :
- 1.7. Đơn vị thi công đề án thăm dò khoáng sản.....;
- 1.8. Chủ nhiệm đề án thăm dò:

Năm sinh.....; Học vị chuyên ngành.....

1.9. Tình hình thi công đề án thăm dò.....

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện cộng dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện cộng dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

1.10. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò.....

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản số:..... ngày... tháng... năm.....(nếu có)
(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....;

.....
III. Đề xuất, kiến nghị

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép thăm dò trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi :

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác:
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại: ; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....;
 - Năm sinh.....;
 - Trình độ chuyên môn.....

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....

A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....;
2. Cơ quan cấp phép.....;
3. Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
4. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
5. Độ cao khai thác: từm, đếnm;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
 - Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
7. Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đê);
8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm);
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND);
10. Vị trí mỏ: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;

B. Hoạt động khai thác khoáng sản

11. Tổng vốn đầu tư:(VND);
12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng

sản(VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12:.....(tấn, m³);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm:.....(VND/tấn, m³);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế:

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: (tấn, m³);

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: (tấn, m³);

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: (tấn, m³);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: (tấn, m³);

19. Tổng doanh thu:(VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên:(VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản.....(VND);

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND).

- Khác (nếu có):

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

C. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, sản lượng khoáng sản đã khai thác

22. Trữ lượng địa chất đã khai thác trong năm báo cáo tính đến 31/12/20.....(tấn, m³).

23. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến 31/12/20.....(năm báo cáo)(tấn, m³), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m³);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m³);

- Trữ lượng địa chất đã khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến 31/12/20.....(năm báo cáo).....(tấn, m³).

24. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến ngày 31/12/20.....(tấn, m³).

D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

25. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

26. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

27. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống.....);
28. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....);
29. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

E. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số: ...ngày...tháng...năm...(nếu có)
(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....

.....

III. Đề xuất, kiến nghị

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)